

## CHỦ ĐỀ 2. VIẾT LẠI CÂU LIÊN QUAN ĐẾN HIỆN TẠI HOÀN THÀNH VÀ QUÁ KHỨ ĐƠN

### A. Lý thuyết

#### - Dạng 1:

S + have/ has + not/never + V\_p2 + ... + before.  
= It/ This + is the first time + S + have/ has (ever) + Vp2 +...

Example: I haven't seen that man before.

= This is the first time I have (ever) seen that man.

#### - Dạng 2:

S + have/ has + not + V_p2 +...	+ since + mốc thời gian since + S + V_ed +... for + khoảng thời gian
= S + last + V_ed +...	+ in/ on/ at + thời gian trong quá khứ when + S + V_ed + O khoảng thời gian + ago
= The last time + S + V_ed + was	+ in/ on/ at + thời gian trong quá khứ when + S + V_ed +... khoảng thời gian + ago
= It's + khoảng thời gian + since + S + last + V_ed +... (chỉ dùng nếu câu gốc là for + khoảng thời gian)	

Example: I haven't seen her since 2012.  
= I last saw her in 2012.  
= The last time I saw her was in 2012.

#### - Dạng 3:

S + has/ have + V_p2+...+	since + mốc thời gian since + S + Ved +... for + khoảng thời gian
= S + began/ started + V_ing/ to V +	in/ on/ at + thời gian trong quá khứ when + S + V_ed +... khoảng thời gian + ago

Example: I have studied English since I was 6 years old.  
= I started learning/ to learn English when I was 6 years old.

#### \* Dạng 4:

How long + have/has + S + V\_p2+....?  
= When + did + S + start/begin + V ing/ to V +...?

Example: How long have you lived in that house?  
When did you start living in that house?

### B. Bài tập vận dụng

#### Excercise 1: Viết lại câu sao cho nghĩa của câu không thay đổi:

1. We started **learning** English five years ago.

→.....

2. I began **living** in Ho Chi Minh city when I was 10.

→.....

3. He **hasn't written** to me since April.

43

Ms. Liên HEKA 0989664991

→.....

4. They **last talked** to each other 1 week ago.

→.....

5. They **have lived** together for ten years

→.....

6. How long **have** you **played** football?

→.....

7. I **have never eaten** this kind of food before.

→.....

8. It's over 1 year since I **last went** to Hoi An.

→.....

9. The last time Tony had his hair **cut** was 2 months ago.

→.....

10. My father **hasn't smoked** for 3 years.

→.....

### **Excercise 2: Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh:**

1. Thailand/ never/I/ in/ before/ have/ been/ .

→.....

2. drunk/ she/ time/ It's/ wine/ first/ the/ has.

→.....

3. time/ park/ Sunday/ children/ The/ to/ their/ last/ took/ was/ they/ the/ .

→.....

4. tidied/ weeks/ your/ haven't/ You/ room/ for/ .

→.....

5. long/ phone/ rang/ How/ the/ has/ ?

→.....

6. ago/ last/ was/ 4 years/ The/ snowed/ it/ was/ time/ .

→.....

7. never/ Hanoi/ parents/ have/ before/ My/ in/ lived/ .

→.....

8. start/ supermarket/ When/ work/ the/ did/ in/ she/ to/ ?

→.....

9. ten/ cook/ Anna/ when/ years/ started/ old/ to/ was/ she/ .

→.....

10. her/ left/ haven't/ since/ We/ she/ met/ .

→.....